Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

Đây là gói thầu được phê duyệt tại Quyết định số 12/QĐ-CTSBMTT ngày 26/02/2026 của Cục trưởng Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2026, cụ thể:

- Địa điểm thực hiện: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin, Lô CN27A Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, Hà Nội.
- Tên gói thầu: Gói thầu số 19: Mua sắm hàng hoá phục vụ sản xuất chứng thư số.
- Nguồn vốn: Ngân sách Quốc phòng (Chi Cơ yếu Chính phủ).
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I/2026.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 100 ngày.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật:

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể: a) Yêu cầu về kỹ thuật chung là các yêu cầu về chủng loại, tiêu chuẩn hàng hóa và các yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, đóng gói, vận chuyển, điều kiện khí hậu tại nơi hàng hóa được sử dụng. Tùy thuộc vào sự phức tạp của hàng hóa, các yêu cầu kỹ thuật chung được nêu cho tất cả các hàng hóa hoặc cho từng loại hàng hóa riêng biệt. b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể như tính năng, thông số kỹ thuật, các bản vẽ, catalô, các thông số bảo hành… được nêu cho từng loại hàng hóa. Khi nêu yêu cầu, các thông số kỹ thuật có thể được mô tả dưới hình thức bảng biểu. Mục đích của phần Thông số kỹ thuật là xác định các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo yêu cầu của gói thầu. Chủ đầu tư phải soạn thảo chi tiết phần Thông số kỹ thuật trên cơ sở xem xét đến những yếu tố sau: - Thông số kỹ thuật bao gồm các tiêu chuẩn làm căn cứ cho Chủ đầu tư, tổ chuyên gia xác minh tính đáp ứng về mặt kỹ thuật và đánh giá E-HSDT. Do đó, nếu thông số kỹ thuật được xác định đầy đủ, rõ ràng thì sẽ giúp nhà thầu chuẩn bị tốt E-HSDT và có tính đáp ứng cao, đồng thời giúp tổ chuyên gia nghiên cứu, đánh giá và so sánh các E-HSDT. - Thông số kỹ thuật yêu cầu tất cả các hàng hóa và vật liệu, vật tư sử dụng cho hàng hóa phải mới, chưa qua sử dụng, sử dụng toàn bộ các cải tiến mới nhất về thiết kế và vật liệu, trừ trường hợp có quy định cụ thể khác trong hợp đồng. - Thông số kỹ thuật phải đủ khái quát để tránh gây hạn

chế liên quan đến các yêu cầu tay nghề và vật tư thiết bị thường được sử dụng để sản xuất các hàng hóa thuộc loại tương tự. - Thông số kỹ thuật phải mô tả đầy đủ các yêu cầu liên quan và không giới hạn ở những điểm sau đây: + Các tiêu chuẩn về vật liệu, vật tư và tay nghề cần thiết để sản xuất chế tạo hàng hóa; + Các yêu cầu chi tiết về thử nghiệm (loại hình và số lần thử); + Các công việc bổ sung khác và/hoặc các dịch vụ liên quan cần thiết để giao hàng/hoàn thành đầy đủ; + Các hoạt động cụ thể mà Nhà thầu sẽ phải thực hiện và sự tham gia của Chủ đầu tư; + Danh sách các yêu cầu bảo đảm chức năng vận hành cụ thể thuộc phạm vi bảo hành và quy định bồi thường thiệt hại nếu các yêu cầu bảo đảm nói trên không được thực hiện. - Thông số kỹ thuật phải nêu rõ tất cả các đặc tính và yêu cầu về công năng và kỹ thuật, bao gồm các giá trị tối đa và tối thiểu được bảo đảm hoặc được chấp nhận, tùy theo trường hợp. Nếu cần, Chủ đầu tư phải cung cấp thêm một biểu mẫu đặc biệt để Nhà thầu cung cấp các thông tin chi tiết về các đặc tính công năng và kỹ thuật của hàng hóa so với các giá trị được bảo đảm hoặc được chấp nhận. - Tiến độ giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ theo yêu cầu tại các mẫu số 01A, 01B, 01C và 01D Chương IV. Nếu Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu cung cấp trong E-HSDT của mình một phần hoặc toàn bộ các thông số kỹ thuật, các bảng biểu kỹ thuật hoặc các thông tin kỹ thuật khác thì Chủ đầu tư phải quy định rõ tính chất và mức độ thông tin yêu cầu và cách trình bày các thông tin đó trong E-HSDT. [Nếu yêu cầu cung cấp bản tóm tắt thông số kỹ thuật thì Chủ đầu tư phải ghi thông tin vào bảng dưới đây. Nhà thầu sẽ soạn một bảng tương tự để chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào tuân thủ với các yêu cầu đó]. Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

STT	Nội dung	Mã kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Thiết bị PKI Token (USB Token)	- Bộ nhớ: 144KB trở lên - Chuẩn kết nối: USB type A - Điều kiện nhiệt độ, độ ẩm: Nhiệt độ vận hành trong khoảng: +0 độ C đến + 70 độ C. Nhiệt độ lưu trữ: -20 độ C đến +85 độ C. Độ ẩm không ngưng tụ: 0-100%. - Lưu trữ dữ liệu: Ít nhất 10 năm. - Số lần đọc, ghi: Ít nhất 500.000 lần. - Hỗ trợ API và các chuẩn lập trình: PKCS#11, Microsoft CSP/CSP-NG, TokenD, PC/SC, X.509 v3, SSL v3, IPSec. - Thuật toán hỗ trợ: AES: 128, 192, 256bits Ký số RSA đến 4096 bits Sinh khóa RSA: đến 4096 bits Ký số ECC đến 521 bits Sinh khóa ECC: đến 521 bits	Chiếc	70.000

STT	Nội dung	Mã kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
		Hàm băm SHA: SHA1, SHA-224, SHA-256, SHA384, SHA512 - Hỗ trợ lược đồ ký số, mã hóa: PKCS#1 Phiên bản 1.5 và 2.1: hỗ trợ lược đồ RSAES-OAEP để mã hóa và RSASSA-PSS để ký. - Nền tảng hỗ trợ: Windows Vista |Win 7 | 8 | 8.1, 10, 11 | Windows Server 2003 | 2008 (R2) |2013 | 2016 Mac 10.12 trở lên Linux; - Chứng chỉ an ninh, an toàn: FIPS140-3 Level 3 (Chip). Cung cấp tài liệu chứng minh. Tối thiểu CC EAL6+ (Chip). Cung cấp tài liệu chứng minh. - Hỗ trợ tùy biến, tích hợp: Tích hợp vào hệ thống giám sát chữ ký số. Tùy biến giao diện, ngôn ngữ theo yêu cầu trên tất cả nền tảng Windows, Linux, Mac OS. - Bảo hành thiết bị: ≥ 12 tháng. - Hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình triển khai thiết bị, khắc phục các lỗi kỹ thuật của nhà sản xuất.		

1.3. Các yêu cầu khác: Không yêu cầu.

Mục 2. Bản vẽ: Không yêu cầu.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm: Không yêu cầu